

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số hiệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

(Kèm theo Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 26/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| Đơn vị                    | Tổng số lượt tiếp | Tổng số người được tiếp | Tổng số vụ việc tiếp | Tiếp thường xuyên |                    |              |                |                          |                    |              |                |                 |              | Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng |              |                |                          |                    |              |                |            |              |                    |                         |                           |                          |    |    |    |  |  |
|---------------------------|-------------------|-------------------------|----------------------|-------------------|--------------------|--------------|----------------|--------------------------|--------------------|--------------|----------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------|--------------|----------------|--------------------------|--------------------|--------------|----------------|------------|--------------|--------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|----|----|----|--|--|
|                           |                   |                         |                      | Số lượt tiếp      | Số người được tiếp | Số vụ việc   |                | Trong đó đoàn đông người |                    |              |                | Thủ trưởng tiếp |              |                                         |              |                |                          | Ủy quyền tiếp      |              |                |            |              |                    |                         |                           |                          |    |    |    |  |  |
|                           |                   |                         |                      |                   |                    | Tiếp lần đầu | Tiếp nhiều lần | Số đoàn được tiếp        | Số người được tiếp | Tiếp lần đầu | Tiếp nhiều lần | Số kỳ tiếp      | Số lượt tiếp | Số người được tiếp                      | Số vụ việc   |                | Trong đó đoàn đông người |                    |              |                | Số kỳ tiếp | Số lượt tiếp | Số người được tiếp | Số vụ việc              |                           | Trong đó đoàn đông người |    |    |    |  |  |
|                           |                   |                         |                      |                   |                    |              |                |                          |                    |              |                |                 |              |                                         | Tiếp lần đầu | Tiếp nhiều lần | Số đoàn được tiếp        | Số người được tiếp | Tiếp lần đầu | Tiếp nhiều lần |            |              |                    | Số vụ việc tiếp lần đầu | Số vụ việc tiếp nhiều lần |                          |    |    |    |  |  |
|                           |                   |                         |                      |                   |                    |              |                |                          |                    |              |                |                 |              |                                         |              |                |                          |                    |              |                |            |              |                    |                         |                           |                          |    |    |    |  |  |
| MS                        | 1=4+13+22         | 2=5+14+23               | 3=6+7+15+16+24+25    | 4                 | 5                  | 6            | 7              | 8                        | 9                  | 10           | 11             | 12              | 13           | 14                                      | 15           | 16             | 17                       | 18                 | 19           | 20             | 21         | 22           | 23                 | 24                      | 25                        | 26                       | 27 | 28 | 29 |  |  |
| Ủy ban nhân dân tỉnh      | 295               | 308                     | 295                  | 280               | 275                | 193          | 87             | 3                        | 68                 | 0            | 3              | -               | 15           | 33                                      | 10           | 5              | 2                        | 9                  | 2            | 0              | -          | 0            | 0                  | 0                       | 0                         | 0                        | 0  | 0  | 0  |  |  |
| Các sở, ban ngành         | 291               | 291                     | 289                  | 280               | 280                | 240          | 38             | 0                        | 0                  | 0            | 0              | -               | 3            | 3                                       | 2            | 1              | 0                        | 0                  | 0            | 0              | -          | 8            | 8                  | 7                       | 1                         | 0                        | 0  | 0  | 0  |  |  |
| UBND các huyện, thành phố | 591               | 624                     | 591                  | 519               | 540                | 397          | 122            | 3                        | 17                 | 2            | 1              | -               | 71           | 83                                      | 50           | 21             | 1                        | 8                  | 1            | 0              | -          | 1            | 1                  | 1                       | 0                         | 0                        | 0  | 0  | 0  |  |  |
| UBND các xã, phường       | 3.132             | 3.238                   | 3.081                | 2.648             | 2.669              | 2.350        | 298            | 10                       | 54                 | 8            | 2              | -               | 471          | 555                                     | 405          | 17             | 2                        | 14                 | 1            | 1              | -          | 13           | 14                 | 8                       | 3                         | 0                        | 0  | 0  | 0  |  |  |
| TỔNG                      | 4.309             | 4.461                   | 4.256                | 3.727             | 3.764              | 3.180        | 545            | 16                       | 139                | 10           | 6              | 0               | 560          | 674                                     | 467          | 44             | 5                        | 31                 | 4            | 1              | 0          | 22           | 23                 | 16                      | 4                         | 0                        | 0  | 0  | 0  |  |  |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 15/10/2025

| Đơn vị                    | Tổng số đơn phải xử lý |                      |                    | Số đơn đã xử lý | Số đơn chưa xử lý (chuyển kỳ sau xử lý) | Đủ điều kiện xử lý   |            | Phân loại theo nội dung |        |                     | Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết |           |                 | Kết quả xử lý đơn    |           |        |                     |                            |           |            |                    | Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn |
|---------------------------|------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|-----------------------------------------|----------------------|------------|-------------------------|--------|---------------------|------------------------------------------|-----------|-----------------|----------------------|-----------|--------|---------------------|----------------------------|-----------|------------|--------------------|---------------------------------------------|
|                           | Tổng số                | Kỳ trước chuyển sang | Tiếp nhận trong kỳ |                 |                                         | Số đơn               | Số vụ việc | Khiếu nại               | Tổ cáo | Kiến nghị, phản ánh | Đã giải quyết                            |           | Chưa giải quyết | Đơn thuộc thẩm quyền |           |        |                     | Đơn không thuộc thẩm quyền |           |            |                    |                                             |
|                           |                        |                      |                    |                 |                                         |                      |            |                         |        |                     | Lần đầu                                  | Nhiều lần |                 | Tổng số              | Khiếu nại | Tổ cáo | Kiến nghị, phản ánh | Tổng số                    | Hướng dẫn | Chuyển đơn | Đơn đốc giải quyết |                                             |
|                           |                        |                      |                    |                 |                                         |                      |            |                         |        |                     |                                          |           |                 |                      |           |        |                     |                            |           |            |                    |                                             |
| MS                        | 1=2+3=4+5              | 2                    | 3                  | 4               | 5                                       | 6=8+9+10=11+12+13+14 | 7          | 8                       | 9      | 10                  | 11                                       | 12        | 13              | 14=15+16+17          | 15        | 16     | 17                  | 18                         | 19        | 20         | 21                 | 22                                          |
| Ủy ban nhân dân tỉnh      | 1.664                  | 6                    | 1.658              | 1.658           | 5                                       | 918                  | 839        | 102                     | 107    | 709                 | 654                                      | 156       | 11              | 88                   | 45        | 20     | 23                  | 830                        | 115       | 500        | 215                | 451                                         |
| Các sở, ban ngành         | 1.582                  | 65                   | 1.517              | 1.552           | 52                                      | 1.148                | 1.145      | 136                     | 83     | 929                 | 819                                      | 19        | 338             | 621                  | 26        | 19     | 576                 | 527                        | 112       | 375        | 40                 | 42                                          |
| UBND các huyện, thành phố | 1.877                  | 30                   | 1.847              | 1.877           | 0                                       | 1.443                | 1.311      | 95                      | 62     | 1.286               | 623                                      | 58        | 738             | 734                  | 53        | 33     | 648                 | 709                        | 107       | 507        | 95                 | 87                                          |
| UBND các xã, phường       | 4.271                  | 67                   | 4.204              | 4.093           | 125                                     | 4.185                | 3.892      | 72                      | 28     | 4.085               | 2.277                                    | 44        | 1.974           | 3.076                | 58        | 11     | 3.007               | 1.109                      | 214       | 863        | 32                 | 58                                          |
| Tổng                      | 9.394                  | 168                  | 9.226              | 9.180           | 182                                     | 7.694                | 7.187      | 405                     | 280    | 7.009               | 4.373                                    | 277       | 3.061           | 4.519                | 182       | 83     | 4.254               | 3.175                      | 548       | 2.245      | 382                | 638                                         |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

| Đơn vị                    | Tổng số đơn phải xử lý |                          |                        | Đơn đã xử lý |                          |                        | Đủ điều kiện xử lý |            | Phân loại theo nội dung |                    |                  |      |                  |                         |               | Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết |       |                      |                      | Kết quả xử lý            |         |       |                                |           |                    | Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn |
|---------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------|--------------------------|------------------------|--------------------|------------|-------------------------|--------------------|------------------|------|------------------|-------------------------|---------------|----------------------------------------------|-------|----------------------|----------------------|--------------------------|---------|-------|--------------------------------|-----------|--------------------|---------------------------------------------|
|                           | Tổng số                | Đơn kỳ trước chuyển sang | Đơn tiếp nhận trong kỳ | Tổng         | Đơn kỳ trước chuyển sang | Đơn tiếp nhận trong kỳ | Số đơn             | Số vụ việc | Lĩnh vực hành chính     |                    |                  |      | Lĩnh vực tư pháp | Lĩnh vực Đảng, đoàn thể | Lĩnh vực khác | Đã giải quyết                                |       |                      | Chưa giải quyết xong | Vụ việc thuộc thẩm quyền |         |       | Vụ việc không thuộc thẩm quyền |           |                    |                                             |
|                           |                        |                          |                        |              |                          |                        |                    |            | Tổng                    | Chế độ, chính sách | Đất đai, nhà cửa | Khác |                  |                         |               | Lần đầu                                      | Lần 2 | Đã có bản án của Tòa |                      | Tổng                     | Lần đầu | Lần 2 | Tổng                           | Hướng dẫn | Đơn đốc giải quyết |                                             |
|                           |                        |                          |                        |              |                          |                        |                    |            |                         |                    |                  |      |                  |                         |               |                                              |       |                      |                      |                          |         |       |                                |           |                    |                                             |
| MS                        | 1=2+3                  | 2                        | 3                      | 4=5+6        | 5                        | 6                      | 7                  | 8          | 9=10+11+12              | 10                 | 11               | 12   | 13               | 14                      | 15            | 16                                           | 17    | 18                   | 19                   | 20+21+22                 | 21      | 22    | 23=24+25                       | 24        | 25                 | 26                                          |
| Ủy ban nhân dân tỉnh      | 104                    | 0                        | 104                    | 104          | 0                        | 104                    | 104                | 102        | 93                      | 8                  | 83               | 2    | 8                | 0                       | 1             | 53                                           | 3     | 0                    | 8                    | 24                       | 16      | 8     | 78                             | 78        | 0                  | 0                                           |
| Các sở, ban ngành         | 165                    | 5                        | 160                    | 165          | 5                        | 160                    | 136                | 136        | 133                     | 15                 | 110              | 8    | 2                | 0                       | 1             | 51                                           | 0     | 3                    | 62                   | 26                       | 26      | 0     | 110                            | 86        | 24                 | 0                                           |
| UBND các huyện, thành phố | 115                    | 4                        | 111                    | 115          | 4                        | 111                    | 95                 | 95         | 79                      | 0                  | 74               | 5    | 0                | 0                       | 2             | 11                                           | 2     | 0                    | 32                   | 36                       | 29      | 7     | 44                             | 30        | 14                 | 0                                           |
| UBND các xã, phường       | 256                    | 0                        | 256                    | 256          | 0                        | 256                    | 72                 | 72         | 71                      | 12                 | 46               | 13   | 0                | 0                       | 1             | 21                                           | 0     | 1                    | 49                   | 44                       | 44      | 0     | 24                             | 21        | 3                  | 0                                           |
| Tổng                      | 640                    | 9                        | 631                    | 640          | 9                        | 631                    | 407                | 405        | 376                     | 35                 | 313              | 28   | 10               | 0                       | 5             | 136                                          | 5     | 4                    | 151                  | 130                      | 115     | 15    | 256                            | 215       | 41                 | 0                                           |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

| Đơn vị                    | Tổng số đơn phải xử lý |                          |                        | Đơn đã xử lý |                          |                        | Đủ điều kiện xử lý |                                | Phân loại vụ việc tố cáo theo nội dung |                    |                  |                    |               |            |                  |                         |               |                              | Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết |                 |                          | Kết quả xử lý  |             |                                |            |                    |    | Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn |
|---------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------|--------------------------|------------------------|--------------------|--------------------------------|----------------------------------------|--------------------|------------------|--------------------|---------------|------------|------------------|-------------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|-----------------|--------------------------|----------------|-------------|--------------------------------|------------|--------------------|----|---------------------------------------------|
|                           | Tổng số                | Đơn kỳ trước chuyển sang | Đơn tiếp nhận trong kỳ | Tổng         | Đơn kỳ trước chuyển sang | Đơn tiếp nhận trong kỳ | Số đơn             | Số vụ việc                     | Lĩnh vực hành chính                    |                    |                  |                    |               | Tham nhũng | Lĩnh vực tư pháp | Lĩnh vực Đảng, đoàn thể | Lĩnh vực khác | Tổ cáo tiếp                  |                                              |                 | Vụ việc thuộc thẩm quyền |                |             | Vụ việc không thuộc thẩm quyền |            |                    |    |                                             |
|                           |                        |                          |                        |              |                          |                        |                    |                                | Tổng                                   | Chế độ, chính sách | Đất đai, nhà cửa | Công chức, công vụ | Lĩnh vực khác |            |                  |                         |               | Quá thời hạn chưa giải quyết | Đã có kết luận giải quyết                    | Chưa giải quyết | Tổng                     | Tổ cáo lần đầu | Tổ cáo tiếp | Tổng                           | Chuyển đơn | Đơn đốc giải quyết |    |                                             |
|                           |                        |                          |                        |              |                          |                        |                    |                                |                                        |                    |                  |                    |               |            |                  |                         |               |                              |                                              |                 |                          |                |             |                                |            |                    |    |                                             |
| MS                        | 1=2+3                  | 2                        | 3                      | 4=5+6        | 5                        | 6                      | 7                  | 8=9+14+15+16+17=18+19+20=21+24 | 9=10+11+12+13                          | 10                 | 11               | 12                 | 13            | 14         | 15               | 16                      | 17            | 18                           | 19                                           | 20              | 21=22+23                 | 22             | 23          | 24=25+26                       | 25         | 26                 | 27 |                                             |
| Ủy ban nhân dân tỉnh      | 107                    | 0                        | 107                    | 107          | 0                        | 107                    | 107                | 103                            | 101                                    | 1                  | 70               | 30                 | 0             | 0          | 1                | 1                       | 0             | 0                            | 5                                            | 0               | 57                       | 45             | 12          | 46                             | 46         | 0                  | 0  |                                             |
| Các sở, ban ngành         | 96                     | 0                        | 96                     | 96           | 0                        | 96                     | 83                 | 77                             | 76                                     | 0                  | 49               | 21                 | 6             | 0          | 1                | 0                       | 0             | 0                            | 10                                           | 0               | 19                       | 17             | 2           | 62                             | 60         | 2                  | 2  |                                             |
| UBND các huyện, thành phố | 71                     | 1                        | 70                     | 71           | 1                        | 70                     | 62                 | 50                             | 45                                     | 0                  | 8                | 36                 | 1             | 0          | 0                | 0                       | 5             | 0                            | 11                                           | 0               | 13                       | 13             | 0           | 35                             | 23         | 12                 | 0  |                                             |
| UBND các xã, phường       | 50                     | 0                        | 50                     | 50           | 0                        | 50                     | 28                 | 27                             | 27                                     | 9                  | 1                | 15                 | 2             | 0          | 0                | 0                       | 0             | 0                            | 0                                            | 0               | 8                        | 8              | 0           | 20                             | 14         | 6                  | 0  |                                             |
| Tổng                      | 324                    | 1                        | 323                    | 324          | 1                        | 323                    | 280                | 257                            | 249                                    | 10                 | 128              | 102                | 9             | 0          | 2                | 1                       | 5             | 0                            | 26                                           | 0               | 97                       | 83             | 14          | 163                            | 143        | 20                 | 2  |                                             |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

| Đơn vị                    | Tổng số đơn phải xử lý |                          |                        | Đơn đã xem xét về điều kiện xử lý |                          |                        | Đơn đủ điều kiện xử lý |                            | Phân loại vụ việc theo nội dung |         |         |               | Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết |                      | Kết quả xử lý            |                                |            | Kết quả giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền |                          |                            |
|---------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------|---------------------------------|---------|---------|---------------|----------------------------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------------|------------|---------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|
|                           | Tổng số                | Đơn kỳ trước chuyển sang | Đơn tiếp nhận trong kỳ | Tổng                              | Đơn kỳ trước chuyển sang | Đơn tiếp nhận trong kỳ | Số đơn                 | Số vụ việc                 | Chế độ, chính sách              | Đất đai | Tư pháp | Lĩnh vực khác | Đã được giải quyết                           | Chưa được giải quyết | Vụ việc thuộc thẩm quyền | Vụ việc không thuộc thẩm quyền |            |                                             | Số vụ việc đã giải quyết | Số vụ việc chưa giải quyết |
|                           |                        |                          |                        |                                   |                          |                        |                        |                            |                                 |         |         |               |                                              |                      |                          | Tổng                           | Chuyển đơn | Đơn đốc giải quyết                          |                          |                            |
| MS                        | 1=2+3                  | 2                        | 3                      | 4=5+6                             | 5                        | 6                      | 7                      | 8=9+10+11+12= 13+14 =15+18 | 9                               | 10      | 11      | 12            | 13                                           | 14                   | 15                       | 16=17+18                       | 17         | 18                                          | 19                       | 20                         |
| Ủy ban nhân dân tỉnh      | 1.568                  | 6                        | 1.562                  | 1.568                             | 6                        | 1.562                  | 709                    | 709                        | 28                              | 487     | 42      | 152           | 697                                          | 12                   | 23                       | 686                            | 577        | 109                                         | 23                       | 0                          |
| Các sở, ban ngành         | 1.102                  | 60                       | 1.042                  | 1.061                             | 60                       | 1.001                  | 929                    | 927                        | 47                              | 765     | 8       | 107           | 676                                          | 252                  | 576                      | 351                            | 316        | 35                                          | 550                      | 26                         |
| UBND các huyện, thành phố | 1.623                  | 37                       | 1.586                  | 1.623                             | 37                       | 1.586                  | 1.286                  | 1.250                      | 63                              | 897     | 2       | 288           | 675                                          | 560                  | 648                      | 602                            | 476        | 126                                         | 648                      | 0                          |
| UBND các xã, phường       | 4.326                  | 173                      | 4.153                  | 4.201                             | 173                      | 4.028                  | 4.085                  | 3.806                      | 122                             | 2.844   | 4       | 836           | 1.522                                        | 2.143                | 3.007                    | 799                            | 762        | 37                                          | 2.696                    | 311                        |
| Tổng                      | 8.619                  | 276                      | 8.343                  | 8.453                             | 276                      | 8.177                  | 7.009                  | 6.692                      | 260                             | 4.993   | 56      | 1.383         | 3.570                                        | 2.967                | 4.254                    | 2.438                          | 2.131      | 307                                         | 3.917                    | 337                        |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m<sup>2</sup>)

| Đơn vị                    | Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền |                      |                    | Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền | Kết quả giải quyết                       |                                                      |                          |          |                              |          |            |          |                                   |                                   |                                   |                                   |                                  |                                          | Phân tích kết quả giải quyết |               |                         |                          |                         |                               |                     |       |
|---------------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|----------|------------------------------|----------|------------|----------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------|-------|
|                           | Tổng số                        | Kỳ trước chuyển sang | Tiếp nhận trong kỳ |                                            | Đã giải quyết                            |                                                      | Kiến nghị thu hồi cho NN |          | Trả lại cho tổ chức, cá nhân |          |            |          |                                   |                                   | Kiến nghị xử lý hành chính        |                                   | Chuyển cơ quan điều tra          |                                          | Giải quyết lần đầu           |               |                         | Giải quyết lần 2         |                         | Chấp hành thời hạn giải quyết |                     |       |
|                           |                                |                      |                    |                                            | Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính | Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục | Tiền (Trđ)               | Đất (m2) | Tổ chức                      |          | Cá nhân    |          | Số tổ chức được trả lại quyền lợi | Số cá nhân được trả lại quyền lợi | Kiến nghị xử lý                   |                                   | Chuyển cơ quan điều tra          |                                          | Khiếu nại đúng               | Khiếu nại sai | Khiếu nại đúng một phần | Công nhận QĐ g/q lần đầu | Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu | Đúng quy định                 | Không đúng quy định |       |
|                           |                                |                      |                    |                                            |                                          |                                                      |                          |          | Tiền (Trđ)                   | Đất (m2) | Tiền (Trđ) | Đất (m2) |                                   |                                   | Số tổ chức được trả lại quyền lợi | Số cá nhân được trả lại quyền lợi | Tổng số người bị kiến nghị xử lý | Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức |                              |               |                         |                          |                         |                               |                     | Số vụ |
| MS                        | 1=2+3                          | 2                    | 3                  | 4                                          | 5=20+..<br>+24                           | 6                                                    | 7                        | 8        | 9                            | 10       | 11         | 12       | 13                                | 14                                | 15                                | 16                                | 17                               | 18                                       | 19                           | 20            | 21                      | 22                       | 23                      | 24                            | 25                  | 26    |
| Ủy ban nhân dân tỉnh      | 45                             | 2                    | 43                 | 30                                         | 23                                       | 5                                                    | 0                        | 0        | 0                            | 0        | 558        | 0        | 0                                 | 8                                 | 0                                 | 0                                 | 0                                | 0                                        | 0                            | 0             | 0                       | 0                        | 20                      | 3                             | 28                  | 0     |
| Các sở, ban ngành         | 26                             | 3                    | 23                 | 24                                         | 17                                       | 3                                                    | 0                        | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0                                 | 0                                 | 0                                 | 0                                 | 0                                | 0                                        | 0                            | 0             | 17                      | 0                        | 0                       | 0                             | 20                  | 0     |
| UBND các huyện, thành phố | 53                             | 14                   | 39                 | 53                                         | 48                                       | 5                                                    | 0                        | 0        | 0                            | 0        | 126        | 0        | 0                                 | 6                                 | 0                                 | 0                                 | 0                                | 0                                        | 0                            | 2             | 34                      | 1                        | 5                       | 6                             | 52                  | 1     |
| UBND các xã, phường       | 58                             | 0                    | 58                 | 49                                         | 27                                       | 11                                                   | 0                        | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0                                 | 0                                 | 0                                 | 0                                 | 0                                | 0                                        | 0                            | 0             | 27                      | 0                        | 0                       | 0                             | 40                  | 0     |
| Tổng                      | 182                            | 19                   | 163                | 156                                        | 115                                      | 24                                                   | 0                        | 0        | 0                            | 0        | 684        | 0        | 0                                 | 14                                | 0                                 | 0                                 | 0                                | 0                                        | 0                            | 2             | 78                      | 1                        | 25                      | 9                             | 140                 | 1     |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m<sup>2</sup>)

| Đơn vị                    | Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ | Số quyết định đã thực hiện xong | Thu hồi cho nhà nước |          |            |          | Trả lại cho tổ chức, cá nhân |          |            |          |            |          |            |          | Đã xử lý hành chính    |                                       | Đã khởi tố |          |                                          |
|---------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|----------|------------|----------|------------------------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------------------|---------------------------------------|------------|----------|------------------------------------------|
|                           |                                            |                                 | Phải thu             |          | Đã thu     |          | Phải trả                     |          |            |          | Đã trả     |          |            |          | Tổng số người bị xử lý | Trong đó cán bộ, công chức, viên chức | Số vụ      | Số người | Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức |
|                           |                                            |                                 | Tiền (Trđ)           | Đất (m2) | Tiền (Trđ) | Đất (m2) | Tổ chức                      |          | Cá nhân    |          | Tổ chức    |          | Cá nhân    |          |                        |                                       |            |          |                                          |
|                           |                                            |                                 |                      |          |            |          | Tiền (Trđ)                   | Đất (m2) | Tiền (Trđ) | Đất (m2) | Tiền (Trđ) | Đất (m2) | Tiền (Trđ) | Đất (m2) |                        |                                       |            |          |                                          |
| MS                        | 1                                          | 2                               | 3                    | 4        | 5          | 6        | 7                            | 8        | 9          | 10       | 11         | 12       | 13         | 14       | 15                     | 16                                    | 17         | 18       | 19                                       |
| Ủy ban nhân dân tỉnh      | 3                                          | 3                               | 0                    | 0        | 0          | 0        | 0                            | 0        | 558        | 0        | 0          | 0        | 558        | 0        | 0                      | 0                                     | 0          | 0        | 0                                        |
| Các sở, ban ngành         | 0                                          | 0                               | 0                    | 0        | 0          | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0                      | 0                                     | 0          | 0        | 0                                        |
| UBND các huyện, thành phố | 6                                          | 6                               | 0                    | 0        | 0          | 0        | 0                            | 0        | 126        | 0        | 0          | 0        | 126        | 0        | 0                      | 0                                     | 0          | 0        | 0                                        |
| UBND các xã, phường       | 0                                          | 0                               | 0                    | 0        | 0          | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0                      | 0                                     | 0          | 0        | 0                                        |
| <b>Tổng</b>               | <b>9</b>                                   | <b>9</b>                        | <b>0</b>             | <b>0</b> | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>0</b>                     | <b>0</b> | <b>684</b> | <b>0</b> | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>684</b> | <b>0</b> | <b>0</b>               | <b>0</b>                              | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>0</b>                                 |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

| Đơn vị                    | Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền |                      |                    | Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền | Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp | Kết quả giải quyết        |                    |                        |                                        |                                         |                   |          |                              |          |            |          |                                   |                                   |                             |                                          |                         |              |                                          | Phân tích kết quả giải quyết vụ việc |                           |            |                          |                       |                                     | Chấp hành thời hạn giải quyết |                     |   |
|---------------------------|-----------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|----------|------------------------------|----------|------------|----------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------|-------------------------|--------------|------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|------------|--------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------------|---------------------|---|
|                           | Tổng số                     | Kỳ trước chuyển sang | Tiếp nhận trong kỳ |                                         |                                 | Đã giải quyết             |                    |                        |                                        |                                         | Kiến nghị thu hồi |          | Trả lại cho tổ chức, cá nhân |          |            |          | Số tổ chức được trả lại quyền lợi | Số cá nhân được trả lại quyền lợi | Kiến nghị xử lý hành        |                                          | Chuyển cơ quan điều tra |              |                                          | Tố cáo đúng                          | Trong đó tố cáo tiếp đúng | Tố cáo sai | Trong đó tố cáo tiếp sai | Tố cáo có đúng có sai | Trong đó tố cáo tiếp có đúng có sai | Đúng quy định                 | Không đúng quy định |   |
|                           |                             |                      |                    |                                         |                                 | Tổng số                   | Số vụ việc lần đầu | Số vụ việc tố cáo tiếp | Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo | Số vụ việc đình chỉ không do rút tố cáo | Tiền (Trđ)        | Đất (m2) | Tổ chức                      |          | Cá nhân    |          |                                   |                                   | Số người bị kiến nghị xử lý | Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức | Số vụ                   | Số đối tượng | Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức |                                      |                           |            |                          |                       |                                     |                               |                     |   |
|                           |                             |                      |                    |                                         |                                 |                           |                    |                        |                                        |                                         |                   |          | Tiền (Trđ)                   | Đất (m2) | Tiền (Trđ) | Đất (m2) |                                   |                                   |                             |                                          |                         |              |                                          |                                      |                           |            |                          |                       |                                     |                               |                     |   |
|                           |                             |                      |                    |                                         |                                 |                           |                    |                        |                                        |                                         |                   |          |                              |          |            |          |                                   |                                   |                             |                                          |                         |              |                                          |                                      |                           |            |                          |                       |                                     |                               |                     |   |
| MS                        | 1=2+3                       | 2                    | 3                  | 4                                       | 5                               | 6=7+8+9+10+30+31+24+26+28 | 7                  | 8=25+27+29             | 9                                      | 10                                      | 11                | 12       | 13                           | 14       | 15         | 16       | 17                                | 18                                | 19                          | 20                                       | 21                      | 22           | 23                                       | 24                                   | 25                        | 26         | 27                       | 28                    | 29                                  | 30                            | 31                  |   |
| Ủy ban nhân dân tỉnh      | 20                          | 0                    | 20                 | 2                                       | 0                               | 1                         | 1                  | 0                      | 0                                      | 0                                       | 0                 | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0                                 | 0                                 | 0                           | 0                                        | 0                       | 0            | 0                                        | 0                                    | 1                         | 0          | 0                        | 0                     | 0                                   | 0                             | 1                   | 0 |
| Các sở, ban ngành         | 19                          | 0                    | 19                 | 19                                      | 0                               | 18                        | 16                 | 0                      | 2                                      | 0                                       | 0                 | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0                                 | 0                                 | 0                           | 0                                        | 0                       | 0            | 0                                        | 9                                    | 0                         | 7          | 0                        | 0                     | 0                                   | 18                            | 0                   |   |
| UBND các huyện, thành phố | 33                          | 2                    | 31                 | 28                                      | 1                               | 22                        | 18                 | 0                      | 4                                      | 0                                       | 0                 | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0                                 | 0                                 | 0                           | 0                                        | 0                       | 0            | 0                                        | 0                                    | 0                         | 16         | 0                        | 2                     | 0                                   | 22                            | 0                   |   |
| UBND các xã, phường       | 11                          | 0                    | 11                 | 7                                       | 0                               | 2                         | 1                  | 0                      | 1                                      | 0                                       | 0                 | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0                                 | 0                                 | 0                           | 0                                        | 0                       | 0            | 0                                        | 0                                    | 0                         | 1          | 0                        | 0                     | 0                                   | 2                             | 0                   |   |
| Tổng                      | 83                          | 2                    | 81                 | 56                                      | 1                               | 43                        | 36                 | 0                      | 7                                      | 0                                       | 0                 | 0        | 0                            | 0        | 0          | 0        | 0                                 | 0                                 | 0                           | 0                                        | 0                       | 0            | 0                                        | 10                                   | 0                         | 24         | 0                        | 2                     | 0                                   | 43                            | 0                   |   |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỔ CÁO**  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

[illegible]

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO  
Số liệu tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 31/10/2025

| Đơn vị     | Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác TCD, KN, TC |                                  |                   | Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TCD, KN, TC |          | Thanh tra trách nhiệm              |           |                              |                 |         |                         |         | Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra trách nhiệm |                     |         |            |         |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------|----------|------------------------------------|-----------|------------------------------|-----------------|---------|-------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|------------|---------|
|            | Số văn bản ban hành mới                                                         | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung | Số văn bản hủy bỏ | Số lớp                                                    | Số người | Thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC |           | Số cuộc đã ban hành kết luận | Kiến nghị xử lý |         |                         |         | Tổng số KLTT thực hiện                                                | Đã xử lý hành chính |         | Đã khởi tố |         |
|            |                                                                                 |                                  |                   |                                                           |          | Số cuộc                            | Số đơn vị |                              | Hành chính      |         | Chuyển cơ quan điều tra |         |                                                                       | Tổ chức             | Cá nhân | Tổ chức    | Cá nhân |
|            |                                                                                 |                                  |                   |                                                           |          |                                    |           |                              | Tổ chức         | Cá nhân | Tổ chức                 | Cá nhân |                                                                       |                     |         |            |         |
| MS         | 1                                                                               | 2                                | 3                 | 4                                                         | 5        | 6                                  | 7         | 8                            | 9               | 10      | 11                      | 12      | 13                                                                    | 14                  | 15      | 16         | 17      |
| Quảng Ngãi | 180                                                                             | 1                                | 0                 | 40                                                        | 1.241    | 15                                 | 15        | 14                           | 3               | 14      | 2                       | 2       | 2                                                                     | 2                   | 2       | 2          | 0       |
| Tổng số    | 180                                                                             | 1                                | 0                 | 40                                                        | 1.241    | 15                                 | 15        | 14                           | 3               | 14      | 2                       | 2       | 2                                                                     | 2                   | 2       | 2          | 0       |